TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM THAO** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HS-ST
Ngày: 19/6/2018

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Khắc Chiên**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Đức Hùng**, bà **Đặng Thị Thu Hương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thúy Minh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao tham gia phiên tòa:

Bà: **Đặng Nguyễn Hải Ninh** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 30/2018/TLST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. PHẠM THỊ PHƯƠNG A - Sinh năm 1983 tại xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Khu 2, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ (chỗ ở: Khu 6, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hùng T1 - Sinh năm 1947 và bà Đỗ Thị T2 - Sinh năm 1947; có chồng: Hứa Ngọc A1 - Sinh năm 1976 (Đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2001; tiền án: Không;

Tiền sự: Có 01

Ngày 15/4/2013, UBND huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, thời hạn là 24 tháng. Ngày 30/3/2015, UBND huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội ra Quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy, thời hạn là 12 tháng. Đến ngày 24/3/2016, chấp hành xong quyết định quản lý sau cai nghiện ma túy tại Trung tâm chữa bệnh Giáo dục Lao động Xã hội số II Hà Nội.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2017 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ. Có mặt

2. TRỊNH XUÂN T2 - Sinh năm 1977 tại xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Khu 3, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Chỗ ở: Khu 6, xã T, huyện L, tỉnh

Phú Thọ); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Xuân N (Đã chết) và bà Vi Thị T3 - Sinh năm 1947; có vợ: Nguyễn Thị C - Sinh năm 1983 (Đã ly hôn); Con: Không có; tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Bản án hình sự phúc thẩm số 17/PT2 ngày 05/5/1999 của Tòa án quân sự Trung ương, xử phạt T4 18 tháng tù về tội "Cướp tài sản của công dân". Thời hạn tù tính từ ngày 20/10/1998.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2017 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ. Có mặt

- *Người làm chứng:*

1. A **Kiều Anh T4** - Sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 4, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ

2. Ông **Nguyễn Duy T5** - Sinh năm 1952 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 6, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ 50 phút ngày 31/12/2017, tại phòng trọ của gia đình ông Nguyễn Duy T5 - sinh năm 1952, ở khu 6 xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Tổ công tác thuộc Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Phú Thọ phối hợp với Công an xã Tiên Kiên phát hiện hai đối tượng nghi vấn, tiến hành kiểm tra Phạm Thị Phương A - sinh năm 1983, ở khu 2 xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ và Trịnh Xuân T4 - sinh năm 1977, ở khu 3, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Khi bị kiểm tra, Phạm Thị Phương A đã tự nguyện lấy từ đầu giường ngủ tại phòng trọ giao nộp cho Cơ quan Công an 01 túi nilon màu trắng có khuy bấm bịt kín, bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng. A và T4 đều khai nhận đó là ma túy đá, A và T4 tàng trữ với mục đích sử dụng và bán kiếm lời. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với A và T4 về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với mục đích sử dụng và bán kiếm lời; thu giữ, niêm phong 01 túi nilon có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng nêu trên theo quy định của pháp luật (niêm phong trong bì số 01).

Cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã ra lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Thị Phương A và Trịnh Xuân T4 ở khu 6, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Quá trình khám xét đã thu giữ:

- 03 túi nilon màu trắng, trong đó có 02 túi nilon màu trắng có khuy bấm, bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng và 01 túi nilon màu trắng có khuy bấm bịt kín, có viền kẻ xanh, bên trong có chứa chất bột, cục màu trắng (03 túi nilon màu trắng này được thu giữ tại cổ áo khoác màu xanh rêu của Phạm Thị Phương A); 01 hộp nhựa hình trụ tròn màu trắng có kích thước 3cm x 5cm, bên trong chứa đựng 09 túi nilon màu trắng được hàn kín, có viền kẻ màu đỏ, bên ngoài được dán một lớp băng dính màu đen, bên trong mỗi túi

nilon đều có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng được thu giữ tại góc phòng vệ sinh trong phòng của Phạm Thị Phương A và Trịnh Xuân T4 (Tất cả 12 túi nilon màu trăng trên được niêm phong trong bì số 02).

- 01 túi nilon màu trắng có khuy bấm bịt kín, bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng, thu giữ tại cổ áo khoác màu xanh rêu của Phạm Thị Phương A (niêm phong trong bì số 03).

- 01 bộ đồ sử dụng ma túy đá tự chế; 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO màu trắng - vàng nhạt, cài sim số 0977.381.548 và 01 chứng minh nhân dân của Phạm Thị Phương A; 01 điện thoại di động nhãn hiệu MOBELL, màu xanh - đen, IMEI: 862619030075638, Model: Rock, cài sim số 0978.518.292 và 0973.805.933; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NEOSON, màu đen, IMEI: 865282019290780, không lắp sim, 01 điện thoại di động không rõ nhãn hiệu, màu đen, viền màu xA, IMEI 1: 868981028710533, cài sim số 0978252190 và 01 chứng minh nhân dân của Trịnh Xuân T4; và tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng).

Ngày 31/12/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 45 Giám định chất ma túy đối với chất rắn dạng tinh thể màu trắng và chất bột cục màu trắng thu giữ của Phạm Thị Phương A và Trịnh Xuân T4. Tại kết luận giám định số 126/KLGĐ ngày 02/01/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ kết luận:

- Mẫu chất rắn dạng tinh thể màu trắng (trong bì số 01) gửi giám định là ma túy, có khối lượng (trọng lượng) là 2,698 gam, loại: Methamphetamine.

- Mẫu chất rắn dạng tinh thể màu trắng (chứa bên trong 11 túi nilon ở bì số 02) gửi giám định là ma túy, có khối lượng (trọng lượng) là 8,152 gam, loại: Methamphetamine. Mẫu chất bột, cục màu trắng (chứa bên trong 01 túi nilon ở bì số 02) gửi đến giám định là ma túy, có trọng lượng (khối lượng) là 0,552 gam, loại: Heroine.

- Mẫu chất rắn dạng tinh thể màu trắng (trong bì số 03) gửi giám định có khối lượng (trọng lượng) là 3,907gam, không tìm thấy các chất ma túy thường gặp (Methamphetamine, Heroine, Morphin, Ketamine, MDMA).

Ngày 04/01/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã chuyển toàn bộ hồ sơ và vật chứng của vụ án đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Thao để điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 31/01/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Thao đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 34 Giám định chất ma túy đối với chất rắn dạng tinh thể màu trắng trong bì số 03. Tại kết luận giám định số 735/C54(TT2) ngày 09/02/2018 của Viện khoa học hình sự kết luận:

Mẫu chất rắn dạng tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy; loại: Methamphetamine (trọng lượng Methamphetamine tìm thấy trong mẫu rất nhỏ, lượng vết).

Quá trình điều tra, Phạm Thị Phương A và Trịnh Xuân T4 khai nhận: Phạm Thị Phương A và Trịnh Xuân T4 đã thuê phòng trọ của gia đình ông T5 và chung sống như vợ chồng. Trong thời gian thuê trọ tại đây, A và T4 bàn nhau và thống nhất đi mua ma túy về để sử dụng và bán kiếm lời. Tiền mua ma túy do cả hai cùng chung góp, tiền bán được ma túy thì giao cho A giữ để chi tiêu sinh hoạt hàng ngày và duy trì việc mua, bán ma túy. Trong thời gian từ giữa tháng 12 năm 2017 đến ngày 30/12/2017, A và T4 và đã 03 lần mua ma túy đá tại thành phố Hà Nội của một người đàn ông tên là Thanh, khoảng 40 tuổi (không biết tên, địa chỉ cụ thể). Trong đó: Hai lần A một mình trực tiếp đi mua, lần còn lại do A và T4 cùng nhau đi mua, cụ thể:

+ Lần 1: Khoảng 11 giờ một ngày giữa tháng 12 năm 2017, A một mình đi xuống thành phố Hà Nội gặp T6 tại phòng trọ thuộc quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, A hỏi mua và được ThA bán cho 1,5gam ma túy đá với giá 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Lần 2: Sau lần mua thứ nhất khoảng một tuần, A và T4 đi xuống thành phố Hà Nội gặp T6 tại một quán nước ven đường thuộc quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, A hỏi mua và được T6 bán cho 05gam ma túy đá với giá 2.750.000đ (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). A đã trả cho T6 số tiền 2.200.000 đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng), còn nợ 550.000đ (Năm trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Lần 3: Khoảng 12giờ ngày 30/12/2017, A một mình đi xuống thành phố Hà Nội gặp T6 tại một quán nước ven đường thuộc quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, A hỏi mua và được T6 bán cho 10gam ma túy đá với giá 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng). A đã trả cho T6 số tiền 2.750.000đ (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), còn nợ 2.750.000đ (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Lần mua ma túy này, A được T6 cho thêm 01 gói nilon màu trắng bên trong có chứa chất bột cục màu trắng (Sau này A mới biết đó là ma túy Heroin) và 01 gói nilon màu trắng bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng (T6 nói là phôi ma túy đá). T6 nói với A là khi mang về trộn lẫn các gói cho thêm này với ma túy đá đã mua để bán cho được nhiều.

A và T4 đã sử dụng hết số ma túy đã mua lần đầu tiên. Số ma túy mua được ở lần thứ 3, khi mang về phòng trọ A vẫn để nguyên trong chiếc áo khoác màu xA của A chưa lấy ra sử dụng. Đối với số ma túy mua được ở lần thứ 2, A và T4 đã chia số ma túy này vào các túi nilon nhỏ màu trắng để sử dụng và bán kiếm lời, T4 đã cất giấu một số túi ma túy đá trong 01 chiếc hộp nhựa hình trụ tròn màu trắng để trong phòng vệ sinh tại phòng trọ. A và T4 đã 03 lần bán ma túy đá cho Kiều A T4 (hay còn gọi là T4 "Ký", là người quen biết với T4), sinh năm 1980 ở khu 4 xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Cụ thể các lần bán ma túy như sau:

+ Lần 1: Khoảng 18 giờ ngày 30/12/2017, T4 "Ký" đến phòng trọ gặp T4 và A. Tại đây T4 "Ký" hỏi mua của T4 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) ma túy đá. T4 đồng ý bán nên cầm tiền của T4 "Ký" rồi vào phòng vệ sinh lấy ra 02 túi nilon có chứa ma túy đá giấu trong hộp nhựa rồi đưa cho T4 "Ký". Số tiền bán ma túy 500.000đ sau đó T4 đưa lại cho A.

+ Lần 2: Khoảng 22 giờ ngày 30/12/2017, T4 "Ký" đến phòng trọ của T4 và A. Lúc này do T4 không có ở trong phòng nên A đi ra cổng nhà trọ gặp T4 "Ký". Tại đây T4 "Ký" hỏi mua 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) ma túy đá. A đồng ý rồi vào phòng trọ lấy ra 02 túi nilon có chứa ma túy đá mang ra đưa cho T4 "Ký" và nhận 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) của T4 "Ký". Sau khi T4 "Ký" về, A đã nói lại việc bán ma túy cho T4 biết.

+ Lần 3: Khoảng 10 giờ ngày 31/12/2017, T4 "Ký" đến phòng trọ gặp T4 và A. Tại đây T4 "Ký" hỏi mua của T4 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) ma túy đá. T4 đồng ý bán rồi đi vào phòng vệ sinh lấy ra 02 túi nilon có chứa ma túy đá giấu trong hộp nhựa mang ra đưa cho T4 "Ký" và nhận tiền. Số tiền bán ma túy 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), T4 đã đưa lại cho A cất giữ.

Tại cơ quan điều tra, Kiều Anh T4 khai đã mua ma túy đá của A và T4 03 lần được 06 túi ma túy đá với giá 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Kiều Anh T4 đã sử dụng hết số ma túy trên.

Ngoài 03 lần bán ma túy nêu trên, trong khoảng thời gian giữa tháng 12 năm 2017 đến khi bị bắt, Trịnh Xuân T4 còn khai đã có 02 lần bán ma túy đá cho một người đàn ông tên Dũng, khoảng 40 tuổi, nhà gần siêu thị Big C thành phố Việt Trì (T4 không biết họ tên và địa chỉ cụ thể của D), mỗi lần T4 bán cho D 01 túi ma túy đá với giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Thao đã xác minh nhưng không xác định được người tên D như T4 đã khai.

Về tài sản của các bị cáo: Ngoài đồ dùng sinh hoạt thiết yếu các bị cáo không có tài sản gì khác.

* Tại bản cáo trạng số 17/CT-VKS-LT ngày 18 tháng 5 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao truy tố các bị cáo Phạm Thị Phương A và Trịnh Xuân T4 về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phạm Thị Phương A và Trịnh Xuân T4 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

* Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo A.

Xử phạt Phạm Thị Phương A từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2017.

Hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng đối với bị cáo

* Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo T4.

Xử phạt Trịnh Xuân T4 từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2017.

Hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng đối với bị cáo

* Xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu, tiêu hủy 2,261 gam chất rắn dạng tinh thể màu trắng (trong bì số 01); 7,021 gam chất rắn dạng tinh thể màu trắng và 0,448 gam chất bột, cục màu trắng (trong bì số 02); 01 bì niêm phong số 735/C54 (TT2) của Viện khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát bên trong có mẫu vật hoàn lại sau giám định; 01 bộ đồ sử dụng ma túy đá tự chế; 01 hộp nhựa hình trụ màu trắng có kích thước 3cm x 5cm.

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) của các bị cáo.

- Truy thu, sung quỹ Nhà nước 550.000đ (Năm trăm năm mươi nghìn đồng) của bị cáo Phạm Thị Phương A và 550.000đ (Năm trăm năm mươi nghìn đồng) của bị cáo Trịnh Xuân T4.

- Trả lại các bị cáo Phạm Thị Phương A 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng - vàng nhạt, bên trong lắp sim có số thuê bao 0977381548; Trịnh Xuân T4 01 điện thoại di động nhãn hiệu MOBELL, màu xA - đen, bên trong lắp sim số thuê bao 0978518292 và 0973805933 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NEOSON, màu đen IMEI: 865282019290780; 01 điện thoại di động màu đen, viền xanh, IMEI 1: 868981028710533, bên trong có lắp sim điện thoại nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại các bị cáo Phạm Thị Phương A 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Thị Phương A; Trịnh Xuân T4 01 chứng minh nhân dân mang tên Trịnh Xuân T4.

* Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố Tụng hình sự năm 2015, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong qúa trình điều tra, truy tố và xét xử: Đã thực hiện đúng thẩm quyền; đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo nhất trí và không có ý kiến gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Chứng cứ buộc tội:

Tại phiên toà hôm nay, các bị cáo Phạm Thị Phương A và Trịnh Xuân T4 khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Phạm Thị Phương A và Trịnh Xuân T4 thuê phòng trọ của ông Nguyễn Duy T5 ở Khu 6, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ để ở. Khoảng 18 giờ và 22 giờ ngày 30/12/2017; khoảng 10 giờ ngày 31/12/2017 tại phòng trọ của A và T4, A và T4 đã ba lần bán trái phép chất ma túy cho Kiều Anh T4, mỗi lần bán được 500.000đ, tổng số tiền bán ma túy là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Hồi 13 giờ 50 phút ngày 31/12/2017, tại phòng trọ của A và T4, Công an tỉnh Phú Thọ bắt quả tang Phạm Thị Phương A và Trịnh Xuân T4 đang tàng trữ trái phép chất ma túy, với mục đích để sử dụng và bán kiếm lời. Vật chứng thu giữ khi bắt giữ và khám xét nơi ở gồm có 14,757 gam Methamphetamine và 0,552 gam Heroine.

Xét thấy lời khai nhận của các bị cáo tại phiên toà hôm nay là hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Lời khai những người làm chứng; Vật chứng vụ án và các tài liệu khác lập lưu trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được sử dụng ma túy là nguyên nhân lây truyền căn bệnh HIV và những căn bệnh khác n hưng vẫn cố tình sử dụng để thỏa mãn nhu cầu cá nhân và bán để thu lời bất chính. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trình bày luận tội, các bị cáo không tranh luận và bào chữa cho hành vi phạm tội của mình . Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Phạm Thị Phương A và Trịnh Xuân T4 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" như Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hiện nay Bộ luật Hình sự năm 2015 đang có hiệu lực thi hành, nhưng các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là trước khi Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành. Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, hành vi phạm tội của các bị cáo được áp dụng theo Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, nhưng cần xem xét Bộ luật Hình sự nào có lợi cho các bị cáo để áp dụng. Xét thấy các bị cáo đã ba lần bán trái phép chất ma túy cho Kiều Anh T4 và tàng trữ trái phép hai chất ma túy để sử dụng và bán. Đối chiếu giữa hai điều luật của Bộ luật Hình sự năm 1999 và Bộ luật Hình sự năm 2015, ngoài phạm tội nhiều lần, các bị cáo còn phải chịu tình tiết định khung theo điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đó là "Heroine, Methamphetamine ... có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam". Vì vậy, Bộ luật Hình sự năm 2015 là bất lợi cho các bị cáo nên áp dụng Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Các bị cáo bán trái phép chất ma túy nhiều lần, nên tội phạm và hình phạt đối với các bị cáo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Nội dung điều luật quy định như sau:

1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma tuý, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) .....;

b) Phạm tội nhiều lần.

Xét thấy tính chất vụ án thuộc trường hợp tội phạm rất nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma tuý. Hành vi của các bị cáo còn gây mất trật tự trị an xã hội trên địa bàn và nó còn là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Vì vậy, đưa các bị cáo ra xét xử và có hình phạt mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Vụ án có tính chất đồng phạm nhưng giản đơn, không mang tính tổ chức. Mặc dù các bị cáo cùng góp tiền mua ma túy và cùng bán nhưng bị cáo T4 là người khởi xướng đi mua ma túy về bán, nên xử phạt bị cáo T4 nghiêm khắc hơn bị cáo A. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo cần xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Tại Cơ quan cảnh sát điều tra và tại phiên toà hôm nay , các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng một tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, riêng bị cáo T4 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đó là "Bố, mẹ đẻ bị cáo đều được tặng thưởng Huân chương kháng chiến vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ". Xét thấy nhân thân các bị cáo là xấu, năm 2013 bị cáo A sử dụng "trái phép chất ma túy" nên bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh theo Quyết định của UBND huyện Thanh Trì, TP.Hà Nội; năm 1999 bị cáo T4 bị Tòa án quân sự Trung ương xử phạt 18 tháng tù về tội "Cướp tài sản của công dân", các bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội, chứng tỏ các bị cáo là người khó cải tạo và coi thường pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát căn cứ vào tình tiết giảm nhẹ, nhân thân các bị cáo và các quy định của pháp luật, đề nghị xử phạt bị cáo A và T4, mỗi bị cáo từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù là phù hợp. Vì vậy, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Trong vụ án này, anh Kiều Anh T4 là người mua ma túy của các bị cáo để sử dụng. Do đã sử dụng hết nên không thu giữ được ma túy của anh Kiều Anh T4 để xác định khối lượng và loại ma túy. Công an tỉnh Phú Thọ đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với anh Kiều Anh T4 là phù hợp.

Đối với người tên là T6 và D. Các bị cáo khai nguồn gốc ma túy là mua của T6, đã hai lần bán ma túy cho D nhưng không xác định được T6 và D là ai và ở đâu. Vì vậy, không đặt ra xem xét để xử lý đối với T6 và D trong vụ án này.

[3] Về hình phạt bổ sung : Theo quy định tại khoản 5 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Xét thấy các bị cáo không có tài sản gì và là người lao động tự do. Vì vậy miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:

- Xét thấy 2,261 gam chất rắn dạng tinh thể màu trắng (trong phong bì số 1); 7,021 gam chất rắn dạng tinh thể màu trắng và 0,448 gam chất bột, cục màu trắng (trong phong bì số 2); 01 bì niêm phong số 735/C54 của Viện khoa học hình sự bên trong có mẫu vật hoàn lại sau giám định; 01 bộ đồ sử dụng ma túy đá tự chế; 01 hộp nhựa hình trụ màu trắng có kích thước 3cm x 5cm không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

- Số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) thu giữ của các bị cáo. Xét thấy số tiền này là do các bị cáo bán trái phép chất ma túy cho Kiều Anh T4 mà có nên tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo bán trái phép chất ma túy cho anh Kiều Anh T4 được 1.500.000đ, nhưng mới thu giữ được 400.000đ. Vì vậy, truy thu sung quỹ Nhà nước 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng) của các bị cáo. Do các bị cáo cùng chi tiêu nên mỗi bị cáo bị truy thu ½ số tiền này, kỷ phần truy thu đối với bị cáo Phạm Thị Phương A là 550.000đ, bị cáo Trịnh Xuân T4 là 550.000đ.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, bên trong lắp sim số thuê bao 0977381548 của bị cáo A; 01 điện thoại di động nhãn hiệu MOBELL, bên trong lắp sim số thuê bao 0978518292, 0973805933; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NEOSON; 01 điện thoại di động màu đen - viền xA, bên trong lắp sim số thuê bao 0978252190 của bị cáo T4. Xét thấy những chiếc điện thoại này không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên trả lại các bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Thị Phương A và 01 chứng minh nhân dân mang tên Trịnh Xuân T4. Xét thấy đây là những giấy tờ tùy thân của các bị cáo nên trả lại các bị cáo.

[5] Án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo A.

* Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo T4.

Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị Phương A và Trịnh Xuân T4 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

- Xử phạt bị cáo Phạm Thị Phương A 08 (T5) năm tù. Thời hạn tù tính từ

ngày tạm giữ, tạm giam 31/12/2017.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Xuân T4 08 (T5) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 31/12/2017

- Hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng đối với các bị cáo.

* Xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu, tiêu hủy 2,261 gam chất rắn dạng tinh thể màu trắng (trong bì số 01); 7,021 gam chất rắn dạng tinh thể màu trắng và 0,448 gam chất bột, cục màu trắng (trong bì số 02); 01 bì niêm phong số 735/C54 (TT2) của Viện khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát bên trong có mẫu vật hoàn lại sau giám định; 01 bộ đồ sử dụng ma túy đá tự chế; 01 hộp nhựa hình trụ tròn màu trắng có kích thước 3cm x 5cm.

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) của các bị cáo.

- Truy thu, sung quỹ Nhà nước 550.000đ (Năm trăm năm mươi nghìn đồng) của bị cáo Phạm Thị Phương A và 550.000đ (Năm trăm năm mươi nghìn đồng) của bị cáo Trịnh Xuân T4.

- Trả lại bị cáo Phạm Thị Phương A 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng - vàng nhạt, bên trong lắp sim có số thuê bao 0977381548; 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Thị Phương A, nhưng tạm giữ chiếc điện thoại di động để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại bị cáo Trịnh Xuân T4 01 điện thoại di động nhãn hiệu MOBELL, màu xanh - đen, bên trong lắp sim số thuê bao 0978518292 và 0973805933; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NEOSON, màu đen, IMEI: 865282019290780; 01 điện thoại di động màu đen, viền xanh, IMEI 1: 868981028710533, bên trong có lắp sim điện thoại; 01 chứng minh nhân dân mang tên Trịnh Xuân T4, nhưng tạm giữ những chiếc điện thoại di động để đảm bảo thi hành án.

(Toàn bộ vật chứng trên hiện đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/5/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Thao).

* Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Phạm Thị Phương A và Trịnh Xuân T4, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Lâm Thao;
- Chi cục THADS huyện Lâm Thao;
- Công an huyện Lâm Thao;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Các bị cáo,
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Khắc Chiên